TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **91**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
Về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Ngọc Quế

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký ghi biên bản: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc **"**Không công nhận quan hệ vợ chồng**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy B, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cản Đất, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

HKTT: ấp Mỹ Tân, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, bà Lê Thị Thùy B trình bày:*

Vào năm 2003, bà và ông Lê Văn T tự quen biết, yêu thương và chung sống với nhau. Hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02 người con chung tên Lê Minh Nhựt, sinh ngày 04/6/2004 và Lê Minh Duy, sinh ngày 04/01/2007.

Bà B cho rằng từ khi về chung sống với nhau, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có Tg nói chung để làm ăn và chăm lo cuộc sống gia đình, tương lai các con. Đỉnh điểm vào tháng 7/2012 hai bên mâu thuẫn lớn nên bà B đưa 02 con về cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân đến nay. Khoảng 1 năm sau, do không lo nổi cho con nên bà B gửi 02 con lại cho ông T nuôi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Thùy B và ông Lê Văn T.

- Về con chung: Bà đồng ý giao 02 con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Đối với bị đơn ông Lê Văn T:*

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được thông báo và niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông T có biết việc Tòa án thụ lý vụ án nhưng ông không có mặt theo các Thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung các yêu cầu của bà B nên không có lời khai của ông T tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lê Thị Thùy B có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lê Văn T. Phía bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo đến lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thùy B và ông Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng lại không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ nhiều năm nay.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B và ông T.

[4]. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên Lê Minh Nh, sinh ngày 04/6/2004 và Lê Minh D, sinh ngày 04/01/2007. Bà B đồng ý giao 02 con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. HĐXX xét thấy, Lê Minh Nh đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Lê Minh Duy, từ năm 2013 đến nay cháu ở với cha, đến nay đã có cuộc sống ổn định. Mặt khác cháu D cũng có nguyện vọng muốn được ở với cha nên HĐXX tiếp tục giao cháu Lê Minh D cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Không có đương sự nào yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này hai bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy B.

[6]. *Về án phí:* Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 8, 9, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Thùy B và ông Lê Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Minh Duy, sinh ngày 04/01/2007 đến khi con tới tuổi trưởng thành.

Trong thời gian ông T nuôi dưỡng con chung, bà B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Thùy B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0004540 ngày 27 tháng 3 năm 2023. Bà B không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc